

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 40

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh trái cây, cao su, và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 01/2023/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12827243/22989163/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 128.838.958 ngàn VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5559-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.971.078.892	6.130.906.088
110	I. Tiền	4	819.991	7.334.259
111	1. Tiền		819.991	7.334.259
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.877.588.071	6.032.480.420
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.496.160.600	1.174.110.072
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.625.464.375	1.512.187.421
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.753.096.261	1.319.481.087
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.255.107.462	2.260.978.441
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(252.240.627)	(234.276.601)
140	III. Hàng tồn kho	9	4.903.261	21.422.858
141	1. Hàng tồn kho		17.580.995	23.226.689
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.677.734)	(1.803.831)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		87.767.569	69.668.551
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	87.481.181	69.380.398
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.862.263.929	11.269.214.748
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.007.032.058	6.411.378.625
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	3.400.037.284	4.925.072.274
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.606.994.774	1.486.306.351
220	II. Tài sản cố định		5.422.203	6.771.369
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.435.536	2.037.202
222	Nguyên giá		9.541.177	9.390.374
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.105.641)	(7.353.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.986.667	4.734.167
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.993.333)	(1.245.833)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	4.848.889.448	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.662.884.812	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(102.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		920.220	2.175.306
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		920.220	2.175.306
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.833.342.821	17.400.120.836

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.706.515.829	5.495.663.769
310	I. Nợ ngắn hạn		4.823.663.936	3.325.378.693
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	80.269.857	54.814.109
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.842.167	1.491.669
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	172.855	162.728
314	4. Phải trả người lao động		1.094.400	2.336.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	237.349.753	264.079.854
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	82.649.067	258.356.458
320	7. Vay ngắn hạn	18	4.420.285.837	2.744.137.814
330	II. Nợ dài hạn		1.882.851.893	2.170.285.076
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	107.440.727	175.531.171
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	133.588.694	191.454.233
338	3. Vay dài hạn	18	1.641.822.472	1.803.299.672
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.126.826.992	11.904.457.067
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	12.126.826.992	11.904.457.067
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(128.838.958)	(351.208.883)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(351.760.883)	(95.394.252)
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm này		222.921.925	(255.814.631)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.833.342.821	17.400.120.836

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	901.590.188	1.313.125.840
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(900.613.532)	(1.215.680.638)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		976.656	97.445.202
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	504.253.561	648.070.687
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(298.415.780) (275.575.838)	(602.174.464) (286.754.840)
25	6. Chi phí bán hàng	23, 25	(8.659.726)	(128.877.339)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(38.273.541)	(270.161.652)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		159.881.170	(255.697.566)
31	9. Thu nhập khác	24	125.885.478	3.511.557
32	10. Chi phí khác	24	(62.844.723)	(3.628.622)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	63.040.755	(117.065)
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		222.921.925	(255.814.631)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		222.921.925	(255.814.631)


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		222.921.925	(255.814.631)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	1.499.968	6.155.717
03	Các khoản dự phòng		28.837.929	220.533.280
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.041.125)	32.286.654
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(419.671.584)	(378.059.483)
06	Chi phí lãi vay	22	275.575.838	286.754.840
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.122.951	(88.143.623)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(529.670.677)	338.482.908
10	Giảm hàng tồn kho		5.645.694	60.624.052
11	Giảm các khoản phải trả		(235.225.770)	(2.026.049.368)
12	Giảm chi phí trả trước		1.256.851	4.114.317
14	Tiền lãi vay đã trả		(247.070.875)	(428.376.665)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(410.400)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(953.352.226)	(2.139.348.379)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(474.583)	(75.944.953)
23	Tiền chi cho vay		(436.270.264)	(23.758.977)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	625.735.030
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(48.442.490)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	2.651.644.988
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		360.748	50.105.202
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(436.384.099)	3.179.338.800

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	3.482.336.692	3.684.399.226
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.099.116.035)	(4.724.729.890)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.383.220.657	(1.040.330.664)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.515.668)	(340.243)
60	Tiền đầu năm		7.334.259	7.719.915
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.400	(45.413)
70	Tiền cuối năm	4	819.991	7.334.259

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh trái cây, cao su, và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 67).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai ("XNK HAGL")	Gia Lai, Việt Nam	Đang chờ giải thể	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 128.838.958 ngàn VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO đã và sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO"), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	47.602	34.850
Tiền gửi ngân hàng	772.389	7.299.409
TỔNG CỘNG	819.991	7.334.259

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	1.401.326.940	1.069.153.128
Phải thu từ các bên khác	94.833.660	104.956.944
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.373.151	19.742.067
- Khách hàng khác	49.918.856	60.673.224
TỔNG CỘNG	1.496.160.600	1.174.110.072
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(55.134.193)	(43.334.615)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.441.026.407	1.130.775.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Số đầu năm	43.334.615	11.707.793
Dự phòng trích lập trong năm	12.106.786	41.108.796
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(307.208)	(9.481.974)
Số cuối năm	<u>55.134.193</u>	<u>43.334.615</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.604.123.267	1.505.448.011
Trả trước cho các bên khác	21.341.108	6.739.410
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	2.075.410
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	1.622.898	1.622.898
- Công ty TNHH Thực Phẩm Hữu Cơ Việt Nam	-	1.499.960
- Khác	17.642.800	1.541.142
TỔNG CỘNG	1.625.464.375	1.512.187.421
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(176.094.434)	(176.233.586)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.449.369.941</u>	<u>1.335.953.835</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	3.633.730.761	1.319.481.087
Cho vay Chính phủ Lào (*)	119.365.500	-
TỔNG CỘNG	<u>3.753.096.261</u>	<u>1.319.481.087</u>

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	2.255.107.462	2.260.978.441
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	1.661.497.770	1.695.366.342
Phải thu lãi cho vay	384.245.702	320.330.245
Chi hộ	167.203.522	221.967.461
Khác	42.160.468	23.314.393
Dài hạn	1.606.994.774	1.486.306.351
Phải thu lãi cho vay	1.576.715.651	1.456.965.163
Khác	30.279.123	29.341.188
TỔNG CỘNG	3.862.102.236	3.747.284.792
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(21.012.000)	(14.708.400)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.841.090.236	3.732.576.392
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	2.233.201.271	2.237.664.048
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)	1.606.994.774	1.486.306.351
Phải thu khác các bên thứ ba	894.191	8.605.993

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Hàng hóa	17.580.995	18.261.412
Công cụ, dụng cụ	-	1.448.315
Nguyên vật liệu	-	1.306.534
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.210.428
TỔNG CỘNG	17.580.995	23.226.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.677.734)	(1.803.831)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.903.261	21.422.858

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu kỳ	1.803.831	3.839.360
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) trong năm	10.873.903	(2.035.529)
Số cuối kỳ	12.677.734	1.803.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND		
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng
	Tổng cộng		
Nguyên giá			
Số đầu năm	873.865	5.550.336	2.966.173
Mua mới	-	150.803	-
Số cuối năm	873.865	5.701.139	2.966.173
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	873.865	4.311.791	322.183
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	(859.049)	(4.996.940)	(1.497.183)
Khấu hao trong năm	(14.816)	(208.855)	(528.798)
Số cuối năm	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.816	553.396	1.468.990
Số cuối năm	-	495.344	940.192

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND	
	Phần mềm vi tính	
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm		5.980.000
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm		(1.245.833)
Hao mòn trong năm		(747.500)
Số cuối năm		(1.993.333)
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		4.734.167
Số cuối năm		3.986.667

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (TM số 12.1)	4.662.884.812	4.662.884.812
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 12.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	4.951.484.058	4.951.484.058
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(102.594.610)	(102.594.610)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.848.889.448	4.848.889.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính và kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm			
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết			
		Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Giá gốc đầu tư	Dự phòng		
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
HÀ Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
HÀ Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
HÀ Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	436.708.401	-	100,00	436.708.401	-
XNK HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			4.662.884.812	(100.000.000)		4.662.884.812	(100.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	64.388.705	25.682.255
Phải trả cho các bên thứ ba	15.881.152	29.131.854
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	-	3.963.450
- Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thiên Thành Lộc	-	7.104.420
- Khác	<u>15.881.152</u>	<u>18.063.984</u>
TỔNG CỘNG	<u>80.269.857</u>	<u>54.814.109</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	1.749.775	-
Nhận ứng trước từ bên khác	<u>92.392</u>	<u>1.491.669</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.842.167</u>	<u>1.491.669</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	69.380.398	66.087.360	(47.986.577)	87.481.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	152.768	(152.768)	557
TỔNG CỘNG	69.666.786	66.240.128	(48.139.345)	87.767.569
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	162.728	437.497	(427.370)	172.855

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	237.349.753	264.079.854
Chi phí lãi vay	208.473.554	85.110.944
Chi phí hoạt động	26.573.427	152.450.400
Khác	2.302.772	26.518.510
Dài hạn	107.440.727	175.531.171
Chi phí lãi vay	107.440.727	175.531.171
TỔNG CỘNG	344.790.480	439.611.025
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>189.124.029</i>	<i>420.847.587</i>
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>98.571.561</i>	<i>15.484.556</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>57.094.890</i>	<i>3.278.882</i>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	82.649.067	258.356.458
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	65.584.210	239.175.177
Phải trả khác	17.064.857	19.181.281
Dài hạn	133.588.694	191.454.233
Phải trả các bên liên quan từ việc cấn trừ công nợ	97.048.755	154.914.294
Mượn tiền	36.539.939	36.539.939
TỔNG CỘNG	216.237.761	449.810.691
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>97.048.755</i>	<i>154.914.294</i>
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	<i>65.584.210</i>	<i>241.743.308</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>53.604.796</i>	<i>53.153.089</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	4.420.285.837	2.744.137.814
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 18.4 và TM số 27)	2.718.052.500	1.351.784.995
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.2)	599.542.639	1.095.586.881
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.1 và TM số 27)	312.440.517	41.823.960
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 18.3)	790.250.181	254.941.978
Dài hạn	1.641.822.472	1.803.299.672
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 18.4 và TM số 27)	1.471.227.867	1.093.729.771
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 18.3)	170.594.605	709.569.901
TỔNG CỘNG	6.062.108.309	4.547.437.486

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	2.744.137.814	1.803.299.672	4.547.437.486
Tiền thu từ đi vay	1.112.992.722	2.369.343.970	3.482.336.692
Tiền trả nợ gốc vay	(2.077.116.035)	(22.000.000)	(2.099.116.035)
Cần trừ công nợ	112.445.629	(3.578.369)	108.867.260
Vay dài hạn đến hạn trả	2.520.957.655	(2.520.957.655)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.868.052	15.714.854	22.582.906
Số cuối năm	4.420.285.837	1.641.822.472	6.062.108.309

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	312.440.517	Từ ngày 23 tháng 2 năm 2023 đến ngày 13 tháng 5 năm 2023	6,5 - 8,5

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.542.639	Từ ngày 13 tháng 1 năm kỳ hạn 3 tháng 2023 đến ngày của TPBank + 30 tháng 9 năm 2023	Lãi suất cơ sở lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su (2022: 9,50 – 12,50%)	Bổ sung vốn	- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tò nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; - 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT. - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Đại Thắng; công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xáy, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngân VND	USD		%/năm		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	737.760.180	31.148.836	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm. (2022: 7,20%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	223.084.606	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2022: 8,95 - 9,05%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch HĐQT HAG sở hữu và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam do THAGRICO sở hữu
TỔNG CỘNG	960.844.786	31.148.836				
Trong đó:						
Vay dài hạn	170.594.605	26.376.109				
Vay dài hạn đến hạn trả	790.250.181	4.772.727				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	2.804.396.470	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 12 năm 2024	7,50 - 14,50
HAG	1.384.883.897	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
TỔNG CỘNG	<u>4.189.280.367</u>		
Trong đó:			
Vay dài hạn	1.471.227.867		
Vay dài hạn đến hạn trả	2.718.052.500		

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng Ngàn VND
Năm trước				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(94.434.252)	12.161.231.698
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(960.000)	(960.000)
Lỗi thuần trong năm	-	-	(255.814.631)	(255.814.631)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(351.208.883)</u>	<u>11.904.457.067</u>
Năm nay				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(552.000)	(552.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	222.921.925	222.921.925
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(128.838.958)</u>	<u>12.126.826.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	703.384.797	558.899.338
Doanh thu bán mũ cao su	197.519.176	209.225.136
Doanh thu bán trái cây	618.181	496.226.262
Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.034	48.775.104
TỔNG CỘNG	901.590.188	1.313.125.840
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	890.886.561	706.803.039
Doanh thu thuần với các bên khác	10.703.627	606.322.801

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	393.405.284	619.601.652
Lãi chênh lệch tỷ giá	84.581.977	7.536.686
Cổ tức	26.144.559	20.915.646
Lãi tiền gửi ngân hàng	121.741	16.703
TỔNG CỘNG	504.253.561	648.070.687
Trong đó:		
Bên liên quan	419.549.843	619.601.652
Bên khác	84.703.718	28.469.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa	700.667.220	541.370.019
Giá vốn mủ cao su đã bán	187.667.160	202.614.037
Giá vốn trái cây đã bán	1.348.388	422.512.305
Giá vốn cung cấp dịch vụ	56.862	49.184.277
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.873.902	-
TỔNG CỘNG	900.613.532	1.215.680.638

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	275.575.838	286.754.840
Lỗ thanh lý các công ty con	-	257.905.082
Dự phòng đầu tư	-	2.594.610
Khác	22.839.942	54.919.932
TỔNG CỘNG	298.415.780	602.174.464

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí bán hàng	8.659.726	128.877.339
Chi phí vận chuyển	6.906.219	119.823.819
Chi phí nhân viên	1.541.637	4.756.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.700	1.082.060
Khác	15.170	3.214.548
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.273.541	270.161.652
Dự phòng phải thu khó đòi	17.963.226	245.459.928
Chi phí nhân viên	5.058.178	7.782.431
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.418.175	1.633.694
Khác	13.833.962	15.285.599
TỔNG CỘNG	46.933.267	399.038.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Thu nhập khác	125.885.478	3.511.557
Hoàn nhập dự phòng	125.876.974	-
Khác	8.504	3.511.557
Chi phí khác	(62.844.723)	(3.628.622)
Xóa sổ công nợ phải thu dài hạn	(58.490.526)	-
Khác	(4.354.197)	(3.628.622)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	63.040.755	(117.065)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	899.113.564	1.209.524.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.550.702	135.027.061
Dự phòng phải thu khó đòi	17.963.226	245.459.928
Chi phí nhân công	6.599.815	12.539.343
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 10 và 11)	1.499.968	6.155.717
Khác	1.819.524	6.012.659
TỔNG CỘNG	947.546.799	1.614.719.629

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	222.921.925	(255.814.631)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	66.801.581	240.631.481
Cổ tức	(26.144.558)	(20.915.646)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(91.575.508)	44.200.812
Hoàn nhập dự phòng	(125.876.974)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	46.126.466	8.102.016
Lỗi chuyển sang từ năm trước	(46.126.466)	(8.102.016)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

26.2 Thu nhập chịu thuế

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.133.757.162 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.204.263.315 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
2018	2023	11.091.234 (*)	(11.091.234)	-	-
2019	2024	1.168.792.394 (*)	(35.035.232)	-	1.133.757.162
TỔNG CỘNG		1.179.883.628	(46.126.466)	-	1.133.757.162

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.133.757.162 ngàn VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

THAGRICO

Công ty có cùng thành viên HĐQT

HAG

Cổ đông lớn

HA Attapeu

Công ty con

HA Oyadav

Công ty con

HAQM Lào

Công ty con

HA Rattanakiri

Công ty con

XNK HAGL

Công ty con

CRD

Công ty con

Heng Brothers

Công ty con

Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh

Công ty con của Công ty

("HAQM Việt Nam")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas

Công ty con của Công ty

("HA Andong Meas")

có cùng thành viên HĐQT

HA Lumphat

Công ty con của Công ty

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc

Công ty con của Công ty

("HA Đắc Lắc")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế

Công ty con của Công ty

Trường Hải ("THILOGI")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Ô tô và Linh

Công ty con của Công ty

kiện phụ tùng Thilogi

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thagrigo

Công ty con của Công ty

Cao nguyên

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Bò sữa Tây Nguyên

Công ty con của Công ty

("Bò sữa Tây Nguyên")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai

Công ty con của Công ty

("Hưng Thắng Lợi")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên

Công ty con của Công ty

("Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Cao Su Trung Nguyên

Công ty con của Công ty

Công ty TNHH MTV Vận Tải Đường Bộ Chu Lai -

Công ty con của Công ty

Trường Hải ("Đường bộ Chu Lai")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH Phân phối

Công ty con của Công ty

Ô tô Tải - Bus Trường Hải

có cùng thành viên HĐQT

Công Ty TNHH Phân Phối THACO Auto

Công ty con của Công ty

("THACO Auto")

có cùng thành viên HĐQT

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa ốc Đại Quang Minh

Công ty con của Công ty

("Đại Quang Minh")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai

Công ty con của Công ty

("Cơ khí Chu Lai")

có cùng thành viên HĐQT

Công Ty TNHH Xây Dựng Công Nông Nghiệp

Công ty con của Công ty

Thadico ("Thadicons A&I")

có cùng thành viên HĐQT

Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải

Công ty con của Công ty

("Cảng Chu Lai Trường Hải")

có cùng thành viên HĐQT

Bidiphar

Công ty liên kết

Ông Trần Bá Dương

Chủ tịch HĐQT

Ông Đoàn Nguyên Đức

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Bảo Sơn

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hoàng Phi

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

			Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.690.589.599	2.651.644.988
		Mua hàng hóa	629.722.562	385.235.060
		Bán hàng hóa	197.645.440	137.803.705
		Cần trừ công nợ khác	150.859.213	162.385.173
		Lãi vay	137.985.954	70.650.353
		Trả gốc vay	72.629.070	2.965.460.727
		Cung cấp dịch vụ	28.914	8.893.283
		Chuyển nhượng công ty con		4.149.882.400
		Cần trừ nợ gốc vay	-	3.813.572.265
		Thu tiền chuyển nhượng công ty con	-	2.651.644.988
		Trả lãi vay	-	200.038.384
		Cho vay	-	23.758.977
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	716.510.507	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	663.943.635	511.286.306
		Lãi cho vay	258.472.295	353.119.649
		Chi hộ	170.427.298	123.914.585
		Mua hàng hóa	109.449.409	479.486.407
		Cần trừ nợ gốc vay	44.264.328	-
		Cần trừ công nợ	-	29.973.589
HAG	Cổ đông lớn	Trả gốc vay	600.000.000	-
		Cần trừ nợ gốc vay	3.578.369	48.215.005
		Cần trừ công nợ	-	16.221.028
		Bán hàng hóa	-	213.633
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	148.130.637	-
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	78.217.751	71.038.304
		Lãi cho vay	33.348.178	56.176.867
		Chi hộ	4.445.934	2.057.668
		Bán hàng hóa	-	13.779.191
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	3.426.577	5.080.911
Cơ khí Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	2.341.702	3.690.061
Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	3.578.369	-
		Mua dịch vụ	269.386	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	56.475.604	85.319.657
		Bán hàng hóa	18.191.087	12.034.893
		Chi hộ	6.232.685	13.526.402
		Cho vay	5.183.351	-
		Góp vốn	-	48.442.490
		Cần trừ công nợ	-	30.154.260
		Mua hàng hóa	-	5.430.769
		Cần trừ công nợ	-	19.158.012
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	45.109.208	91.372.420
Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	26.144.558	20.915.646
Công Ty TNHH Phân Phối Thaco Auto	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	22.500.000	-
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	10.595.486	13.485.975
		Cần trừ công nợ	6.033.178	5.045.482
		Mua hàng hóa	-	22.840.870
Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	695.340	-
		Bán hàng hóa	64.500	-
		Cung cấp dịch vụ	8.536	-
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	306.065	4.993.411
		Thu lãi cho vay	239.007	-
		Thu gốc cho vay	-	431.577.294
		Lãi cho vay	-	24.200.651
		Mua hàng hóa	-	638.580
HA Đắc Lắc	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	370.332	-
		Cần trừ công nợ	-	251.542.904
XNK HAGL	Công ty con	Mua tài sản cố định	150.803	-
		Cần trừ công nợ	-	38.496.009
		Mua hàng hóa	-	99.046
Công ty TNHH MTV An Đông Mía ("An Dong Mía")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu gốc cho vay	-	154.759.772
		Lãi cho vay	-	8.458.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Ngân VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	1.227.928.346	876.771.175
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	114.977.231	93.376.292
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	44.762.105	43.352.107
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	13.589.598	12.466.856
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thanh lý công ty con	-	38.063.941
Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	3.578.369
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	69.660	1.544.388
TỔNG CỘNG			1.401.326.940	1.069.153.128
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i>				
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	769.826.123	675.141.853
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	660.568.437	617.052.265
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa	173.688.397	173.841.673
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	40.310	399.008
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	39.013.212
TỔNG CỘNG			1.604.123.267	1.505.448.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	2.502.178.706	728.053.755
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	455.028.340	86.253.000
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315	234.617.379
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	291.708.400	270.556.953
TỔNG CỘNG			3.633.730.761	1.319.481.087

(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 12 tháng 12 năm 2023, và với lãi suất trung bình từ 5,00%/năm đến 6,50%/năm.

Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)

HA Attapeu	Công ty con	Cho mượn	1.516.459.348	1.460.547.605
		Lãi cho vay	296.928.809	248.525.712
		Chi hộ	166.939.528	202.561.559
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	127.295.595	-
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	85.351.444	71.804.533
		Cần trừ công nợ	5.890.280	726.167
		Chi hộ	263.994	19.368.702
Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	26.144.558	-
CRD	Công ty con	Cần trừ công nợ	5.955.067	-
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	1.965.448	-
HA An Dong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	195.894.200
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	38.198.370
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi hộ	7.200	37.200
TỔNG CỘNG			2.233.201.271	2.237.664.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	2.252.362.346	3.242.455.965
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	514.199.954	535.351.401
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	398.857.605	762.449.593
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379	384.815.315
TỔNG CỘNG			3.400.037.284	4.925.072.274

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ ngày 26 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 5,00%/năm đến 10,50%/năm.

Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
HA Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.507.685.122	1.410.126.601
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	66.400.822	46.599.555
		Chi hộ	30.279.122	29.341.187
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	2.629.708	-
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	239.008
TỔNG CỘNG			1.606.994.774	1.486.306.351

Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)				
THAGRICO	Công ty con của công ty cổ cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	33.835.318	-
Công Ty TNHH Phân Phối Thaco Auto	Công ty con của công ty cổ cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	24.300.000	-
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.473.553	6.268.887
Thilogi	Công ty con của công ty cổ cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	-	7.750.385
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.779.834	11.662.983
TỔNG CỘNG			64.388.705	25.682.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)				
THAGRICO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Ứng tiền mua hàng hóa	1.749.775	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 16)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	98.571.561	14.401.614
		Mua hàng hóa	-	128.400
THILOGI	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí dịch vụ	-	954.542
TỔNG CỘNG			98.571.561	15.484.556
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 17)				
HA Rattanakiri	Công ty con	Mượn tiền	65.484.210	108.018.837
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	100.000	131.156.340
Chu Lai Transporation	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	2.568.131
TỔNG CỘNG			65.584.210	241.743.308
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 16)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	57.094.890	3.278.882
Phải trả dài hạn khác (TM số 17)				
HA Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	67.668.910	123.092.138
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	29.379.845	31.822.156
TỔNG CỘNG			97.048.755	154.914.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (TM số 18.1 và TM số 18.4)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	2.530.493.017	41.823.960
HAG	Cổ đông lớn	Vay	500.000.000	1.351.784.995
TỔNG CỘNG			3.030.493.017	1.393.608.955
Vay dài hạn (TM số 18.4)				
HAG	Cổ đông lớn	Vay	884.883.897	636.677.271
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	586.343.970	457.052.500
TỔNG CỘNG			1.471.227.867	1.093.729.771

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		Ngàn VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	144.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Tổng Giám đốc cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	30.000	120.000
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	18.000	72.000
TỔNG CỘNG		192.000	336.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các Công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của công ty tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- (a) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- (b) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- (c) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- (d) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 6 tháng 2 năm 2023, Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động của Công ty theo Thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai số 589/23.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023